

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 1.10.2022**

---

**CÔ LIÊU HAY TỊCH LẶNG?**  
**Kinh Giữa Trưa (Majjhanhikasuttam)**  
(CHƯƠNG IX. TƯƠNG ƯNG RỪNG) (S. i, 202)

*Sự im lặng thường là quan ải của cuộc sống. Người ta thường có cái nhìn rất khác biệt đối với cô tịch: đằng sau đó có thể trống vắng mênh mông đáng sợ mà cũng có thể là cảnh giới của an nhiên bất động. Cảnh tượng thâm u lặng tiếng của rừng già nhiệt đới vào buổi trưa tạo nên sự trầm lắng đến rợn người. Đối với người tu thiền thì đó là bối cảnh thích hợp để nhất hướng nội tại. Cuộc sống thường được hiểu là sự tương tác sinh động giữa tâm thức và ngoại cảnh. An hưởng sự tịch lặng không phải là điều thường tìm thấy đối với phần đông chúng sanh.*



**Kinh Văn**

**Ekam samayaṃ aññataro bhikkhu kosalesu viharati aññatarasmiṃ vanasaṇḍe.  
Atha kho tasmīṃ vanasaṇḍe adhiwatthā devatā yena so bhikkhu  
tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā tassa bhikkhuno santike imaṃ gāthaṃ abhāsi**

Một thưở có vị tỳ khưu trú tại một khu rừng trong xứ Kosala. Bấy giờ một vị thiên trong khu rừng đi đến vị tỳ khưu nói lên kệ ngôn:

**“Ṭhite majjhanhike kāle, sannisīvesu pakkhisu;  
Saṇateva brahāraññaṃ, taṃ bhayaṃ paṭibhāti maṃ.**

“Giữa trưa trời đứng nắng  
Chim muông đều thỉnh lặng  
Âm ngân của đại ngàn  
Bất chợt lòng hốt hoảng.

(Vị tỳ khuru):

**“Ṭhite majjhanhike kāle, sannisīvesu pakkhisu;  
Saṇateva brahāraññaṃ, sā rati paṭibhāti ma”nti.**

“Giữa trưa trời đứng nắng  
Chim muông đều thỉnh lặng  
Âm ngân của đại ngàn  
Cõi lòng nghe hân hoan.



### Thích văn

**“Ṭhite majjhanhike kāle** = lúc giữa trưa, khi trời đứng bóng  
**sannisīvesu pakkhisu** = chim muông đều im lặng  
**Saṇateva brahāraññaṃ** = rừng già với tiếng thâm u  
**taṃ bhayaṃ paṭibhāti maṃ** = nỗi sợ hãi chợt đến

**sā rati paṭibhāti ma”nti** = niềm hân hoan hiện rõ



### Thích nghĩa

*Bài kinh này có nội dung trùng với Kinh Tiếng Động Rừng Sâu (Saṇamānasuttaṃ)  
CHƯƠNG 1. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM VƯỜN HOAN HỖ (S.i, 7)*

*Theo bản Sớ Giải của Kinh Saṇamānasuttaṃ thì trong sự tịch lặng của rừng sâu giữa trưa, vị thiên cảm thấy cô quạnh muốn có người đàm luận. Kệ ngôn của vị thiên chỉ là cách gợi chuyện. Lời đáp của vị tỳ khuru phát xuất từ tâm hân hoan khi thiên định giữa sự yên ả của núi rừng sau khi đi khát thực và thọ trai.*

*Chữ sannisīvesu không tìm thấy bất cứ nơi nào khác trong kinh điển. Theo bản sớ giải của Kinh Saṇamānasuttaṃ thì chữ sannisīvesu có nghĩa là sannisinnesu là sự im lặng. Bản hậu sớ giải thì nói thêm là do sự nóng bức giữa trưa nên muông thú mệt mỏi im lặng (parissamavinodanattaṃ sabbaso sannisīdantesu; kārassa hi va kāraṃ katvā niddeso)*

*Chữ saṇateva có nhiều cách giải thích phức tạp. Theo Sớ Giải thì sasaṇateva hợp thể các chữ (saṇa + te + iva) với lời giải thích là “khi tạo ra một âm thanh thì vang xa” (saṇati viya mahāviraṇṇaṃ viya muccati). Hậu sớ giải thì cho là “saṇate va” có nghĩa là âm thanh thâm u của đại ngàn.*

*Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

## **12. Majjhanhikasuttaṃ [Mūla]**

**232.** Ekaṃ samayaṃ aññataro bhikkhu kosalesu viharati aññatarasmim vanasaṇḍe. Atha kho tasmim vanasaṇḍe adhiṇṇatthā devatā yena so bhikkhu tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā tassa bhikkhuno santike imaṃ gāthaṃ abhāsi –

“Ṭhite majjhanhike kāle, sannisīvesu [sannisīnesu (syā. kaṃ. pī.)] pakkhisu;  
Saṇateva brahāraṇṇaṃ, taṃ bhayaṃ paṭibhāti maṃ.

“Ṭhite majjhanhike kāle, sannisīvesu pakkhisu;  
Saṇateva brahāraṇṇaṃ, sā rati paṭibhāti ma”nti.

## **12. Majjhanhikasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]**

**232.** Dvādasame yaṃ vattabbaṃ, taṃ devatāsaṃyutte nandanavagge vuttameva. Dvādasamaṃ.